

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ  
– CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

01  
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHƯỚC KIẾN  
NHÀ BÈ  
TP. HỒ CHÍ MINH



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Bốn	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 7 năm 2012)
Ông Bùi Tuấn Anh	Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến ngày 11 tháng 7 năm 2012)
Ông Lê Chung	Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên
Ông Ly Tai Fong	Ủy viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012)
Ông Hồ Khả Thịnh	Ủy viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Bốn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 7 năm 2012)
Ông Ngô Ngọc Thường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 3 năm 2013)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Số: 0477 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 29 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thị Thu Sang**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1144/KTV

27  
: TY  
: T M  
: Y  
: CH  
2500-0  
I NHÃN  
NG T  
HIỆM H  
LOIT  
T NA  
TP. HỒ

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>493.607.341.683</b>	<b>507.734.417.476</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>62.578.002.649</b>	<b>141.584.573.932</b>
1. Tiền	111		46.817.002.649	92.581.660.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.761.000.000	49.002.913.692
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>297.086.308</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		297.086.308	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>385.201.121.991</b>	<b>308.375.311.124</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.946.048.876	35.972.457.293
2. Trả trước cho người bán	132		6.895.613.674	7.479.885.096
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	319.842.300.687	257.763.576.199
4. Các khoản phải thu khác	135	7	17.710.003.573	7.352.237.355
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>12.592.548.224</b>	<b>15.367.213.136</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.592.548.224	15.367.213.136
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.938.582.511</b>	<b>42.407.319.284</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		525.555.610	1.369.130.745
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.869.167.659	11.328.380.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	4.095.216.372	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	19.448.642.870	29.709.807.550
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>192.866.513.545</b>	<b>168.709.324.176</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.630.676.125</b>	<b>21.019.852.947</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.066.419.126	12.690.489.773
- Nguyên giá	222		41.474.214.160	37.472.038.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.407.795.034)	(24.781.549.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.042.048.291	8.329.363.174
- Nguyên giá	228		15.568.776.866	11.269.398.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.526.728.575)	(2.940.035.004)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		522.208.708	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>153.334.600.000</b>	<b>127.928.474.017</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	153.334.600.000	127.928.474.017
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.901.237.420</b>	<b>19.760.997.212</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.817.237.420	18.929.121.709
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	577.995.067
3. Tài sản dài hạn khác	268		84.000.000	253.880.436
<b>C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>	<b>269</b>	<b>15</b>	<b>492.480.000</b>	<b>554.040.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+ 269)</b>	<b>270</b>		<b>686.966.335.228</b>	<b>676.997.781.652</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>375.155.328.172</b>	<b>435.547.010.505</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>357.566.584.314</b>	<b>412.655.675.282</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	43.738.528.612	12.290.756.808
2. Phải trả người bán	312		101.999.864.365	57.389.962.887
3. Người mua trả tiền trước	313		34.477.328.898	69.552.794.053
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	14.997.991.839	18.479.559.679
5. Phải trả người lao động	315		13.349.868.076	38.841.332.767
6. Chi phí phải trả	316	19	104.405.452.829	160.691.611.697
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	28.989.677.144	42.273.507.458
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	14.653.273.076	10.537.297.079
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		954.599.475	2.598.852.854
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.588.743.858</b>	<b>22.891.335.223</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		338.743.858	263.848.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	17.250.000.000	21.731.407.197
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	896.079.168
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>296.391.154.281</b>	<b>221.680.218.558</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>296.391.154.281</b>	<b>221.680.218.558</b>
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	321.888.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.600.295.812
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.224.799
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.595.878.719	5.902.424.923
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.870.572.798	4.892.901.528
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		88.312.880	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.814.535.657	28.958.483.081
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>15.419.852.775</b>	<b>19.770.552.589</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>686.966.335.228</b>	<b>676.997.781.652</b>


**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

31/12/2012

31/12/2011

Ngoại tệ  
Đô la Mỹ ("USD")

7.331

Lê Thị Thúy Hằng  
Người lập biểuHồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng

 Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		466.507.583.446	685.983.300.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.056.000.000	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		465.451.583.446	685.983.300.167
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		409.765.916.448	558.670.067.741
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		55.685.666.998	127.313.232.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	16.159.811.452	9.681.825.920
7. Chi phí tài chính	22	28	5.724.078.618	2.818.948.347
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.653.382.535	2.795.340.844
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.957.265.279	65.826.216.027
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.164.134.553	68.349.893.972
10. Thu nhập khác	31		12.448.456.123	9.645.428.241
11. Chi phí khác	32		1.056.074.837	219.752.246
12. Lợi nhuận trước thuế (40=31-32)	40	29	11.392.381.286	9.425.675.995
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		12.556.515.839	77.775.569.967
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	821.297.638	20.093.457.678
15. (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	14	577.995.067	(577.995.067)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>11.157.223.134</b>	<b>58.260.107.356</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		24	(2.570.449.343)	2.301.624.275
- Cổ đông của Tổng Công ty			13.727.672.477	55.958.483.081
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	<b>31</b>	<b>619</b>	<b>3.868</b>




Lê Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu



Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



  
Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2013



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.556.515.839</b>	<b>77.775.569.967</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.277.133.465	4.698.654.911
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.131.861.297)	(10.888.301.048)
Chi phí lãi vay	06	5.653.382.535	2.795.340.844
<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.355.170.542</b>	<b>74.381.264.674</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(56.708.806.359)	(200.420.569.898)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.774.664.912	8.925.067.656
Thay đổi các khoản phải trả	11	(65.943.683.806)	132.311.300.792
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.955.459.424	(17.939.712.243)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.539.644.213)	(2.795.340.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.279.599.404)	(11.642.524.738)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	3.153.264.084	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(4.971.260.099)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(122.233.174.820)</b>	<b>(22.151.774.700)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.198.848.706)	(7.981.035.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	157.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(25.703.212.291)	(49.849.324.520)
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	3.711.424.412	9.044.436.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(30.190.636.585)</b>	<b>(48.628.196.567)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	81.270.000.000	100.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	75.772.873.010	42.836.013.293
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.806.508.403)	(13.768.209.467)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(39.819.124.485)	(18.271.758.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>73.417.240.122</b>	<b>110.796.045.226</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(79.006.571.283)</b>	<b>40.016.073.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>141.584.573.932</b>	<b>101.564.384.504</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	4.115.469
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>62.578.002.649</b>	<b>141.584.573.932</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 704.954.000 đồng (năm 2011: 57.400.000 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 8.480.754.364 đồng (năm 2011: 31.088.992.000 đồng), là số tiền phải trả cổ tức chưa được thanh toán cho cổ đông. Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 113.738.322 đồng (năm 2011: 0 đồng) là khoản trích trước chi phí lãi vay trong năm 2012 chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (tiếp theo)**

Lãi từ hoạt động đầu tư dài hạn khác không bao gồm số tiền 10.274.384.022 đồng là khoản thu nhập chưa nhận được trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

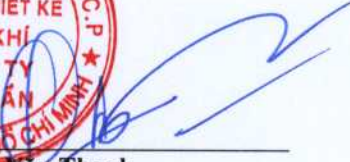
Ngoài ra, khoản lãi từ hoạt động đầu tư dài hạn khác là 2.634.203.070 đồng được căn trừ với khoản phải trả tiền thuê văn phòng cho Tổng Công ty khí Việt Nam. Vì vậy, khoản này không thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm.



Lê Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu



Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2013

# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con, cụ thể như sau:

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

#### Các công ty con

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Dầu khí (gọi tắt là “PCIC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 7 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 4 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC cho Tổng Công ty. Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PCIC tại 78B-80 đường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án dầu khí PVE (gọi tắt là “PVE - PMC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 5 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. PVE - PMC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình Khí, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - PMC tại Lầu 6, tòa nhà PVGAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE (gọi tắt là “PVE - SC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 05 tháng 04 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. PVE - SC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Khảo sát, Kiểm định và Dịch vụ Công trình, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - SC tại Lầu 6, tòa nhà PVGAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

#### Hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp ≤ 22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh bất động sản.

## **TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là tương tự như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

01001  
C  
C  
TRÁCH  
ĐỀ  
VI  
AN 1 -

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là mười (10) năm.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và các khoản vay và nợ.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2500-  
I NHÁ  
NG T  
HIỆM H  
LOIT  
T NA  
TP. HỒ

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	3 – 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giá trị phần mềm thiết kế, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài đối với lô đất có diện tích 92,4m<sup>2</sup> tại phường 9, thành phố Vũng Tàu, được xác định dựa trên giá mua và kết quả đánh giá theo Chứng thư giám định tại ngày 02 tháng 8 năm 2012. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ năm (5) đến tám (8) năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm khoản chi sửa chữa, nâng cấp trụ sở công ty con PCIC tại 80A, Nguyễn Du, Hà Nội, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm, tương ứng với thời gian thuê trụ sở.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Tổng Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ hoạt động đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	19.634.308.752	13.893.433.199
Tiền gửi ngân hàng	27.182.693.897	78.688.227.041
Các khoản tương đương tiền	15.761.000.000	49.002.913.692
	<b><u>62.578.002.649</u></b>	<b><u>141.584.573.932</u></b>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh tiền gửi tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC) và Ngân hàng TMCP Đại Dương theo hình thức hợp đồng ủy thác quản lý vốn với kỳ hạn một (1) tháng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Dự án Lô B Ô Môn mới	84.476.759.062	34.457.467.172
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	84.267.552.223	67.258.363.636
Cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	40.019.492.203	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	21.323.374.635	81.620.973.361
Dự án phát triển mỏ Thái Bình	16.340.749.914	-
HE 38/Technip-PVE/MPS/FEED-NCS2 CC nhân lực	14.574.771.200	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.921.114.364	-
Trường THPT Nguyễn T. Bích Châu - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	3.611.663.636	-
Trường mầm non xã Vũ Bản - Hà Nam	3.432.881.819	-
Dự án Nhà máy sản xuất bình bồn dầu khí	3.128.206.812	-
Trường TH Hòa Bình - Vũ Thư - Thái Bình	3.123.505.000	-
Hợp đồng tồn đọng của VSP HE 0881/11/T-N3/VSP8-	2.513.787.468	-
Trường THCS Đông Sơn - Thái Bình	2.392.609.091	-
Trường tiểu học Mường Típ 2 Nghệ An	2.117.518.182	-
Dự án Xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	1.701.909.711
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	833.616.955	6.844.171.419
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch 1	727.946.315	3.487.994.751
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	-	7.975.829.738
Dự án Thiết kế đường ống Nam Côn Sơn	-	3.398.299.460
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	-	6.518.401.201
Dự án Nhà máy condensate Cà Mau	-	2.512.507.183
Dự án Thiết kế Feed Lô B - Ô Môn	-	1.909.353.000
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	-	1.763.528.419
Dự án Nhà máy CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	610.909.091
Các dự án khác	31.334.842.097	37.703.868.057
	<b><u>319.842.300.687</u></b>	<b><u>257.763.576.199</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần ("PV Gas")	10.274.384.022	-
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Citi plaza	3.059.600.882	-
Khác	4.376.018.669	7.352.237.355
	<b><u>17.710.003.573</u></b>	<b><u>7.352.237.355</u></b>

Khoản phải thu từ PV Gas thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 và 2012 còn phải thu được chia từ khoản đầu tư vào dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" mà PV Gas là nhà điều hành.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	21.623.080	45.743.708
Công cụ, dụng cụ	137.043.260	97.661.410
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.433.881.884	15.223.808.018
	<b><u>12.592.548.224</u></b>	<b><u>15.367.213.136</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Tạm ứng	19.040.762.434	24.033.814.793
Thế chấp, ký cược, ký quỹ	407.880.436	5.675.992.757
	<b><u>19.448.642.870</u></b>	<b><u>29.709.807.550</u></b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tạm ứng nhân viên thể hiện các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án của Công ty chưa được hoàn ứng.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	4.428.220.997	16.501.155.939	7.044.590.767	9.498.071.147	37.472.038.850
Tăng trong năm	-	411.146.363	2.907.409.947	-	3.318.556.310
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình (i)	706.259.000	-	-	-	706.259.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(22.640.000)	-	(22.640.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.134.479.997</u>	<u>16.912.302.302</u>	<u>9.929.360.714</u>	<u>9.498.071.147</u>	<u>41.474.214.160</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	3.231.507.455	12.984.756.444	2.766.592.703	5.798.692.475	24.781.549.077
Khấu hao trong năm	288.895.507	1.272.651.761	1.860.324.903	1.087.007.723	4.508.879.894
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình (i)	120.000.000	-	-	-	120.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.633.937)	-	(2.633.937)
Tại ngày 31/12/2012	<u>3.640.402.962</u>	<u>14.257.408.205</u>	<u>4.624.283.669</u>	<u>6.885.700.198</u>	<u>29.407.795.034</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.494.077.035</u>	<u>2.654.894.097</u>	<u>5.305.077.045</u>	<u>2.612.370.949</u>	<u>12.066.419.126</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.196.713.542</u>	<u>3.516.399.495</u>	<u>4.277.998.064</u>	<u>3.699.378.672</u>	<u>12.690.489.773</u>

(i) Phân ánh nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản nhà nằm trên lô đất có diện tích 92,4m<sup>2</sup> tại phường 9, thành phố Vũng Tàu, được xác định theo kết quả đánh giá theo Chứng thư giám định tại ngày 02 tháng 8 năm 2012, được phân loại lại từ tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với nguyên giá là 12.548.164.840 đồng (năm 2011: 8.967.011.531 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	4.800.000.000	6.469.398.178	11.269.398.178
Tăng trong năm	89.654.276	4.915.983.412	5.005.637.688
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình (i)	(706.259.000)	-	(706.259.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.183.395.276</u>	<u>11.385.381.590</u>	<u>15.568.776.866</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	120.000.000	2.820.035.004	2.940.035.004
Khấu hao trong năm	-	1.706.693.571	1.706.693.571
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình (i)	(120.000.000)	-	(120.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>4.526.728.575</u>	<u>4.526.728.575</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.183.395.276</u>	<u>6.858.653.015</u>	<u>11.042.048.291</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>4.680.000.000</u>	<u>3.649.363.174</u>	<u>8.329.363.174</u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (năm 2011: 1.459.946.460 đồng).

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Tổng Công ty với các bên "PV Gas" và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m<sup>2</sup> tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Tổng Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011, tiến độ góp vốn Tổng Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết	Số vốn thực góp	
	góp theo hợp đồng	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>127.928.474.017</u>

Tổng Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Vietcombank Hồ Chí Minh") (xem Thuyết minh số 22).

Trong năm, Tổng Công ty đã ghi nhận lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này (xem Thuyết minh số 27).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.929.121.709	1.155.201.532
Tăng do mua lại công ty con	-	80.000.000
Tăng trong năm	3.678.549.374	19.100.337.735
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(6.790.433.663)</u>	<u>(1.414.417.558)</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>15.817.237.420</u></b>	<b><u>18.929.121.709</u></b>

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tương ứng với phần chênh lệch tạm thời chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay dài hạn để đầu tư vào dự án Tòa nhà văn phòng Dragon Tower.

Năm 2012, Công ty được thông báo chia lợi nhuận từ hoạt động đầu tư này (xem Thuyết minh số 27). Do đó, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến khoản chi phí lãi vay nêu trên đã được hoàn nhập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm vì không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo giấy đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp	
	VND	%	VND	%
PCIC	30.000.000.000	36%	10.800.000.000	44,39
PVE - PMC	30.000.000.000	60%	18.000.000.000	91,46
PVE - SC	<u>20.000.000.000</u>	<u>60%</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>86,75</u>

Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC với giá mua là 11.415.600.000 đồng. Nghiệp vụ này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 615.600.000 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	554.040.000	-
Tăng do mua lại công ty con	-	615.600.000
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(61.560.000)	(61.560.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>492.480.000</b>	<b>554.040.000</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	40.738.528.612	7.290.756.808
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	3.000.000.000	-
Vay ngắn hạn khác	-	5.000.000.000
	<b>43.738.528.612</b>	<b>12.290.756.808</b>

Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ từ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 21.125.684.514 đồng (năm 2011: 6.042.652.500 đồng) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 77/2011/94203/HĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất và kỳ hạn trả lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Vay ngắn hạn từ Vietcombank Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay sau:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng (năm 2011: 30 tỷ đồng) với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tổng dư nợ tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.316.391.107 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.248.104.308 đồng).

Khản vay ngắn hạn của công ty con – PVE SC theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0215/KH/12NH ngày 25 tháng 7 năm 2012. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cấp tín dụng được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 746/PVE-TCKT ngày 23 tháng 04 năm 2012 với trị giá là 20 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tổng số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.293.435.209 đồng.

Khoản vay ngắn hạn của công ty con – PVE PMC theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-CV-0158/KH/11/NH ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS ngày 20 tháng 4 năm 2012. Khoản vay này có thể rút bằng đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 30 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay được bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 70/PVE-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2012 với trị giá là 30 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã rút vốn với số tiền là 8.364.021.106 đồng, trong đó khoản vay 4.361.003.324 đồng đã được trả vốn gốc và lãi trong năm.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.394.781.270	3.941.601.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	622.214.989	8.296.102.156
Tiền thuế đất	1.236.689.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.743.327.080	6.240.876.971
Thuế khác	979.200	979.200
	<b>14.997.991.839</b>	<b>18.479.559.679</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
1 - Thuế GTGT phải nộp	3.941.601.352	11.008.383.545	13.555.203.627	1.394.781.270
a - Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.941.601.352	6.245.093.456	8.791.913.538	1.394.781.270
b - Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.410.654.910	1.410.654.910	-
c - Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu	-	3.352.635.179	3.352.635.179	-
2- Thuế xuất nhập khẩu	-	95.522.477	95.522.477	-
3- Thuế TNDN	8.296.102.156	3.753.516.148	15.522.619.687	(3.473.001.383)
a - Thuế TNDN SXKD	8.296.102.156	510.495.865	12.279.599.404	(3.473.001.383)
b - Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu	-	3.243.020.283	3.243.020.283	-
4- Tiền thuê đất	-	1.304.835.860	68.146.560	1.236.689.300
5- Thuế thu nhập cá nhân	6.240.876.971	22.848.460.845	17.346.010.736	11.743.327.080
6- Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
7- Thuế khác	979.200	-	-	979.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.479.559.679</b>	<b>39.024.718.875</b>	<b>46.601.503.087</b>	<b>10.902.775.467</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (xem Thuyết minh số 17)</i>				14.997.991.839
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>				(4.095.216.372)

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu với số tiền 4.095.216.372 đồng được trình bày trên khoản “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	32.143.080.297	6.678.674.283
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	15.243.216.781	119.902.233.288
Dự án mỏ Thái Bình	13.147.341.752	-
Dự án phát triển giếng STV -5X	20.009.746.102	-
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	3.386.672.744
Dự án nhiệt điện Sông Hậu	1.200.000.000	-
Dự án Lô B Ô Môn mới	-	7.651.040.596
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	-	4.493.759.500
Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.000.000.000
Dự án Sửa chữa giàn MSP10 Mỏ Bạch Hồ	-	1.519.306.030
Các dự án khác và chi phí phải trả khác	19.275.395.153	16.059.925.256
	<b>104.405.452.829</b>	<b>160.691.611.697</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ tức phải trả cổ đông	8.480.754.364	31.088.992.000
Khoản phải trả khác tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Khác	13.121.706.130	8.671.515.458
	<b>28.989.677.144</b>	<b>42.273.507.458</b>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	10.833.602.457	12.044.443.591
Trích lập trong năm	13.608.540.596	2.346.018.276
Hoàn nhập dự phòng	(9.788.869.977)	(3.853.164.788)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>14.653.273.076</b>	<b>10.537.297.079</b>

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Tại ngày 20 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn với VCB Hồ Chí Minh với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty rút vốn với tổng số tiền 20.250.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.731.407.197 đồng).

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Công ty với các bên PV Gas và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower", để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Trong năm, lịch trả nợ vay đã được ký kết giữa Tổng Công ty và Vietcombank do Tổng Công ty không còn nhu cầu giải ngân. Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	3.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	-
Sau năm năm	5.250.000.000	21.731.407.197
	<b>20.250.000.000</b>	<b>21.731.407.197</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn) (Thuyết minh số 16)	(3.000.000.000)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>17.250.000.000</b>	<b>21.731.407.197</b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối năm	25.000.000	18.000.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 1/1/2011	80.000.000.000	353.718.415	1.609.545.812	109.330	4.750.644.717	3.741.121.322	-	12.235.604.127	102.690.743.723
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	58.260.107.356	58.260.107.356
Trích quỹ trong năm	-	-	(9.250.000)	-	1.343.459.206	1.311.513.206	-	(4.135.604.127)	(1.489.881.715)
Công bố cổ tức	-	-	-	-	(191.679.000)	(159.733.000)	-	(2.301.624.275)	(35.100.000.000)
Loại trừ lợi ích cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.653.036.275)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	4.115.469	-	-	-	-	4.115.469
Giảm khác	-	(31.830.000)	-	-	-	-	-	-	(31.830.000)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>321.888.415</b>	<b>1.600.295.812</b>	<b>4.224.799</b>	<b>5.902.424.923</b>	<b>4.892.901.528</b>	<b>-</b>	<b>28.958.483.081</b>	<b>221.680.218.558</b>
Tăng vốn trong năm	70.020.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	-	81.270.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	11.157.223.134	11.157.223.134
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	767.895.322	3.109.194.196	96.555.415	(8.675.190.510)	(4.701.545.577)
Công bố cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Loại trừ lợi ích cổ đông thiếu số	(20.000.000)	-	-	-	(74.441.526)	(131.522.926)	(8.242.535)	3.574.019.952	3.339.812.965
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	-	(4.224.799)
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	-	(150.330.000)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>11.421.558.415</b>	<b>1.600.295.812</b>	<b>-</b>	<b>6.595.878.719</b>	<b>7.870.572.798</b>	<b>88.312.880</b>	<b>18.814.535.657</b>	<b>296.391.154.281</b>

Theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty, Tổng Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 43,2 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 với tỉ lệ là 17,28%/mệnh giá mỗi cổ phần (năm 2011: 18,9 tỷ đồng). Trong năm 2011, Tổng Công ty đã công bố trả chia cổ tức là 27 tỷ đồng, phần cổ tức còn lại 16,2 tỷ đồng được công bố và chi trả cho các cổ đông trong năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông là 8.480.754.364 đồng.

Trong năm 2012, Tổng Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012 với số tiền lần lượt là 767.895.322 đồng, 3.109.194.196 đồng, 4.701.545.577 đồng và 500.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND
Vốn điều lệ của công ty con	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000
Trong đó:			
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	10.800.000.000	18.000.000.000	12.000.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>13.530.000.000</u>	<u>1.660.000.000</u>	<u>1.833.000.000</u>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>55,61%</b>	<b>8,54%</b>	<b>13,25%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Tổng tài sản	59.525.408.022	55.826.115.332	29.544.974.080	144.896.497.434
Tổng nợ phải trả	<u>39.118.358.276</u>	<u>34.027.020.238</u>	<u>14.349.857.212</u>	<u>87.495.235.726</u>
<b>Tài sản thuần</b>	<b>20.407.049.746</b>	<b>21.799.095.094</b>	<b>15.195.116.868</b>	<b>57.401.261.708</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000	57.843.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	579.332.487	188.562.835	959.574.322
Quỹ dự phòng tài chính	315.133.886	386.221.658	94.281.418	795.636.962
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	96.555.415	-	96.555.415
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(4.524.279.454)</u>	<u>1.056.985.534</u>	<u>1.079.272.615</u>	<u>(2.388.021.305)</u>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số:</b>	<b>11.546.157.370</b>	<b>1.860.202.364</b>	<b>2.013.493.041</b>	<b>15.419.852.775</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000	17.043.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	49.455.212	24.986.314	266.120.526
Quỹ dự phòng tài chính	246.151.988	32.610.781	12.493.157	291.255.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.242.535	-	8.242.535
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(2.516.189.932)</u>	<u>89.893.836</u>	<u>143.013.570</u>	<u>(2.283.282.526)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 như sau:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	(5.041.069.451)	1.056.985.534	1.079.272.615	(2.904.811.302)
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>(2.803.356.748)</u>	<u>89.893.836</u>	<u>143.013.570</u>	<u>(2.570.449.343)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Tổng tài sản	36.216.521.619	53.317.061.134	21.338.121.648	110.871.704.401
Tổng nợ phải trả	<u>8.332.575.573</u>	<u>29.794.844.552</u>	<u>5.619.493.295</u>	<u>43.746.913.420</u>
<b>Tài sản thuần</b>	<b>27.883.946.046</b>	<b>23.522.216.582</b>	<b>15.718.628.353</b>	<b>67.124.790.981</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.660.000.000	13.833.000.000	57.823.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	-	-	191.679.000
Quỹ dự phòng tài chính	159.733.000	-	-	159.733.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>3.108.017.732</u>	<u>3.862.216.582</u>	<u>1.885.628.353</u>	<u>8.855.862.667</u>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số:</b>	<b>15.704.308.089</b>	<b>2.021.672.384</b>	<b>2.044.572.116</b>	<b>19.770.552.589</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.660.000.000	1.833.000.000	17.023.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	-	-	191.679.000
Quỹ dự phòng tài chính	159.733.000	-	-	159.733.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>1.728.379.775</u>	<u>361.672.384</u>	<u>211.572.116</u>	<u>2.301.624.275</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011 như sau:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	3.108.017.732	3.862.216.582	1.885.628.353	8.855.862.667
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>1.728.379.775</u>	<u>361.672.384</u>	<u>211.572.116</u>	<u>2.301.624.275</u>

**25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Tổng Công ty là tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế trong lĩnh vực dầu khí và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.029.477.645	277.491.011.914
Chi phí nhân công	206.053.441.014	178.277.969.982
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	6.277.133.465	4.637.094.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.465.382.436	140.305.020.903
Chi phí khác	127.516.468.885	140.077.380.187
	<u>580,341,903,445</u>	<u>740.788.477.897</u>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ hoạt động đầu tư dài hạn khác	12.908.587.092	-
Lãi tiền gửi	3.243.280.268	9.264.825.920
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.944.092	417.000.000
	<u>16.159.811.452</u>	<u>9.681.825.920</u>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	5.653.382.535	2.795.340.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	52.079.182	10.898.402
Khác	18.616.901	12.709.101
	<u>5.724.078.618</u>	<u>2.818.948.347</u>

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 VND	2011 VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	9.788.869.977	3.853.164.788
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên ba (3) năm	586.443.019	1.737.761.844
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	121.036.364	157.727.273
Chênh lệch đánh giá lại tài sản để góp vốn	-	1.509.359.974
Khác	1.952.106.763	2.387.414.362
<b>Thu nhập khác</b>	<u>12.448.456.123</u>	<u>9.645.428.241</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(20.006.063)	(43.612.119)
Tạm ứng khó đòi đã xóa sổ	-	(150.363.648)
Khác	(1.036.068.774)	(25.776.479)
<b>Chi phí khác</b>	<u>(1.056.074.837)</u>	<u>(219.752.246)</u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u>11.392.381.286</u>	<u>9.425.675.995</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	12.556.515.839	77.775.569.967
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	<b>(17.272.752.725)</b>	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.703.956.565	2.598.260.744
Cộng các khoản không được bù trừ giữa các công ty	<u>6.297.470.868</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.285.190.547</b>	<b>80.373.830.711</b>
<i>Thuế suất</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh</b>	<b><u>821.297.638</u></b>	<b><u>20.093.457.678</u></b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 6.297.470.868 đồng (bao gồm lỗ tính thuế của Công ty mẹ là 1.454.217.206 đồng và lỗ tính thuế của PCIC là 4.843.253.662 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	13.727.672.477	55.958.483.081
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.727.672.477	55.958.483.081
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>22.161.644</u>	<u>14.465.753</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>619</u></b>	<b><u>3.868</u></b>

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>44.191.821.838</u>	<u>-</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	34.116.132.150	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>4.397.301.360</u>	<u>-</u>
	<b><u>38.513.433.510</u></b>	<b><u>-</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng tiền thuê 6.539 m<sup>2</sup> của Công ty mẹ tại tòa nhà PV Gas số 673 Nguyễn Hữu Thọ, phường Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 40/2012/PVGAS/DAD-KH/D4 giữa Công ty mẹ và PV Gas được thanh toán 3 tháng/1 lần với giá thuê là 17 USD/m<sup>2</sup>/tháng và tiền quản lý là 5,5 USD/m<sup>2</sup>/tháng (chưa bao gồm thuế). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 17 tháng 2 năm 2012. Theo Công văn số 2403/KVN-DAD(TCT) ký ngày 4 tháng 10 năm 2012 từ PV Gas, Công ty mẹ được xác nhận hoàn trả 935 m<sup>2</sup> trong tháng 1 năm 2013. Do đó, tổng diện tích thuê từ năm 2013 là 6.774 m<sup>2</sup>.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng tiền thuê thuê 585 m<sup>2</sup> của Công ty con – PVE-PMC tại Tòa nhà PVGAS với giá thuê 468.450/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2012.

Tổng tiền thuê 200 m<sup>2</sup> của Công ty con – PVE SC tại địa chỉ số 588/5/4 đường Lê Văn Lương, Ấp 3, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 22.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê nhà được ký với thời hạn 3 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2011.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	60.988.528.612	34.022.164.005
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	62.578.002.649	141.584.573.932
Nợ thuần	(1.589.474.037)	(107.562.409.927)
Vốn chủ sở hữu	<u>296.391.154.281</u>	<u>221.680.218.558</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.578.002.649	141.584.573.932
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và phải thu khác	377.670.428.556	300.895.426.028
Các khoản ký quỹ, ký cược	491.880.436	5.929.873.193
Các khoản đầu tư dài hạn khác	153.334.600.000	127.928.474.017
	<b><u>594.074.911.641</u></b>	<b><u>576.338.347.170</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	139.114.192.416	103.236.904.478
Chi phí phải trả	104.405.452.829	160.691.611.697
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	338.743.858	263.848.858
Các khoản vay và nợ	60.988.528.612	34.022.164.005
	<b><u>304.846.917.715</u></b>	<b><u>298.214.529.038</u></b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.051.388.124	153.771.677	9.707.738.400	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(565.635.028)	15.377.168

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về đầu tư**

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.578.002.649	-	-	62.578.002.649
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	377.670.428.556	-	-	377.670.428.556
Các khoản ký quỹ, ký cược	407.880.436	84.000.000	-	491.880.436
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>440.656.311.641</b>	<b>84.000.000</b>	<b>153.334.600.000</b>	<b>594.074.911.641</b>
<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	139.114.192.416	-	-	139.114.192.416
Chi phí phải trả	104.405.452.829	-	-	104.405.452.829
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	43.738.528.612	12.000.000.000	5.250.000.000	60.988.528.612
Các khoản vay và nợ	-	338.743.858	-	338.743.858
<b>Tổng cộng</b>	<b>287.258.173.857</b>	<b>12.338.743.858</b>	<b>5.250.000.000</b>	<b>304.846.917.715</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>153.398.137.784</b>	<b>(12.254.743.858)</b>	<b>148.084.600.000</b>	<b>289.227.993.926</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.584.573.932	-	-	141.584.573.932
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	300.895.426.028	-	-	300.895.426.028
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.675.992.757	253.880.436	-	5.929.873.193
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	127.928.474.017	127.928.474.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>448.155.992.717</b>	<b>253.880.436</b>	<b>127.928.474.017</b>	<b>576.338.347.170</b>
<b>31/12/2011</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	103.236.904.478	-	-	103.236.904.478
Chi phí phải trả	160.691.611.697	-	-	160.691.611.697
Các khoản vay và nợ	12.290.756.808	-	21.731.407.197	34.022.164.005
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	263.848.858	-	263.848.858
<b>Tổng cộng</b>	<b>276.219.272.983</b>	<b>263.848.858</b>	<b>21.731.407.197</b>	<b>298.214.529.038</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>171.936.719.734</b>	<b>(9.968.422)</b>	<b>106.197.066.820</b>	<b>278.123.818.132</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:


	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	191.401.230.021	538.371.902.037
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	(430.826.363)	-
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	<u>23.739.091.200</u>	<u>-</u>
<b>Mua hàng hóa/dịch vụ</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	64.414.772.940	446.588.113.561
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	<u>231.886.485</u>	<u>-</u>

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương	5.740.115.087	4.227.083.084
Tiền thưởng	<u>794.331.240</u>	<u>1.489.871.130</u>
	<b><u>6.534.446.327</u></b>	<b><u>5.716.954.214</u></b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	21.007.491.196	27.112.264.610
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	<u>106.242.400</u>	<u>-</u>
<b>Phải thu khác</b>		
PV Gas	<u>10.274.384.022</u>	<u>-</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	<u>40.670.969.087</u>	<u>-</u>
<b>Các khoản phải trả nhà cung cấp</b>		
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	47.353.054.562	46.670.655.214
Phải trả khác cho Tập đoàn dầu khí Việt Nam	<u>2.037.536.988</u>	<u>6.726.015.123</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	<u>4.874.216.650</u>	<u>-</u>
<b>Vay</b>		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>
<b>Các khoản tương đương tiền - Ủy thác quản lý vốn</b>		
Tổng công ty cổ phần tài chính Dầu khí Việt Nam - PVFC	<u>2.207.086.308</u>	<u>2.702.913.692</u>

  
Lê Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

  
Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng

  
  
Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2013